

Ngày 31/12/2025	11,550 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.7%	-2.5%	11.1%

	2025	
ROE	7.5%	+/- YoY ▲ 1.2%

	Q4/25		
DT thuần	555	QoQ ▲ 4.00	YoY ▼ 42.0
	tỷ VNĐ	▲ 0.8%	▼ 7.0%

	2025	
DT thuần	2,311	YoY ▲ 214 ▲ 10.2%

	Q4/25		
LN gộp	86.5	QoQ ▼ 7.70	YoY ▼ 11.7
	tỷ VNĐ	▼ 8.2%	▼ 11.9%

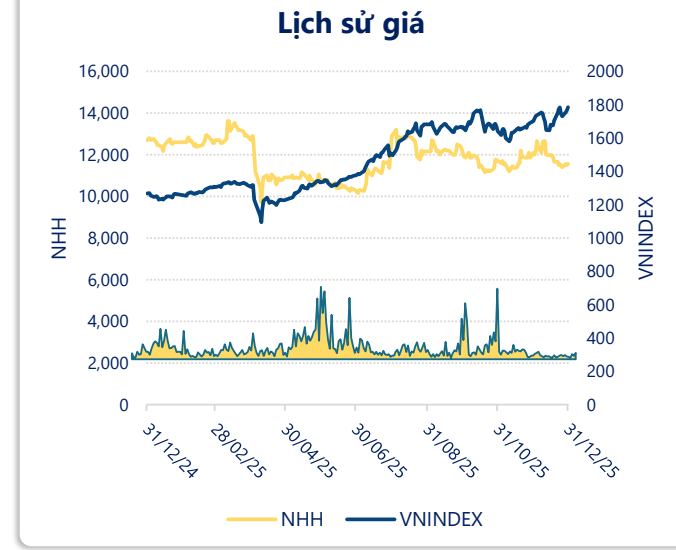
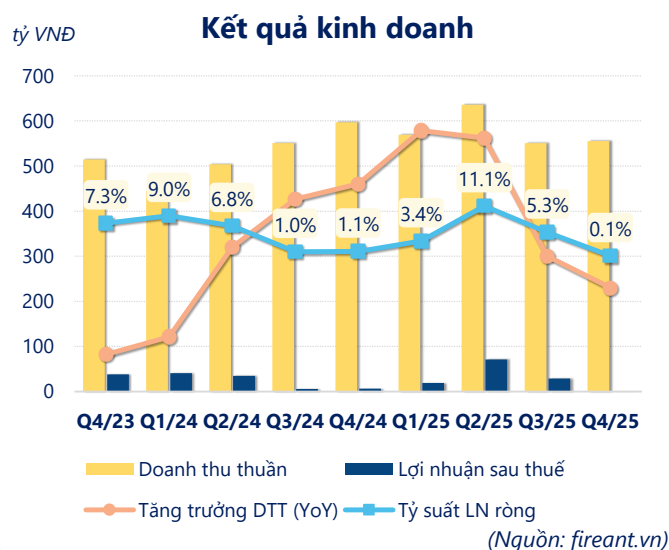
	2025	
LN gộp	399	YoY ▲ 8.00 ▲ 2.2%

	Q4/25		
LN thuần	18.0	QoQ ▼ 21.4	YoY ▲ 1.70
	tỷ VNĐ	▼ 54.4%	▲ 10.3%

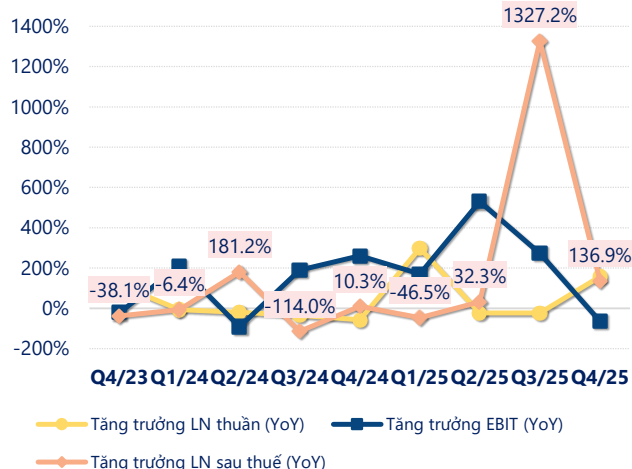
	2025	
LN thuần	161	YoY ▲ 49.0 ▲ 43.3%

	Q4/25		
LN sau thuế	0.44	QoQ ▼ 28.8	YoY ▼ 5.88
	tỷ VNĐ	▼ 98.5%	▼ 93.0%

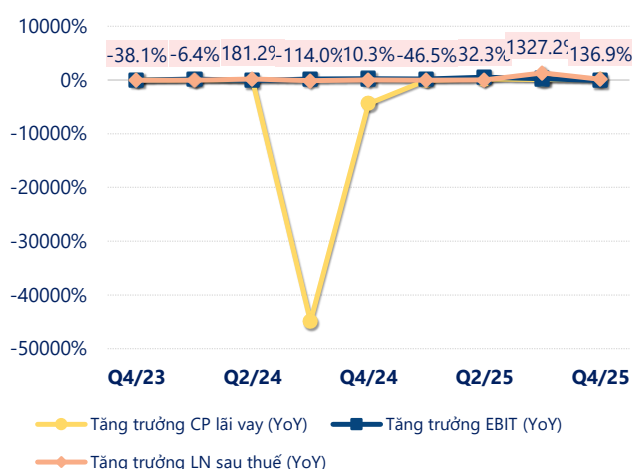
	2025	
LN sau thuế	120	YoY ▲ 32.1 ▲ 36.2%



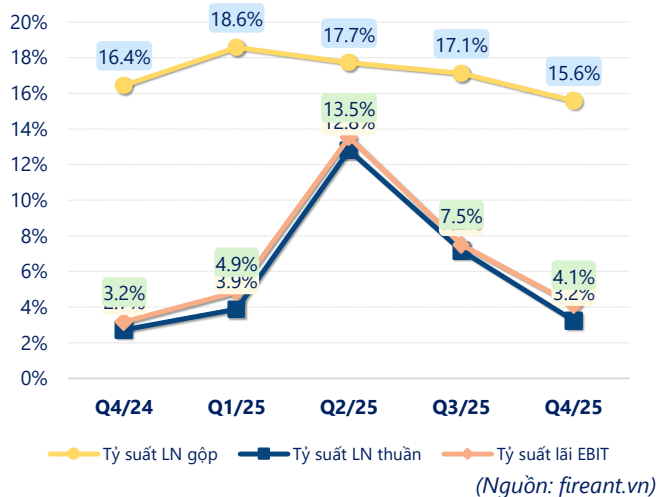
Tăng trưởng lợi nhuận



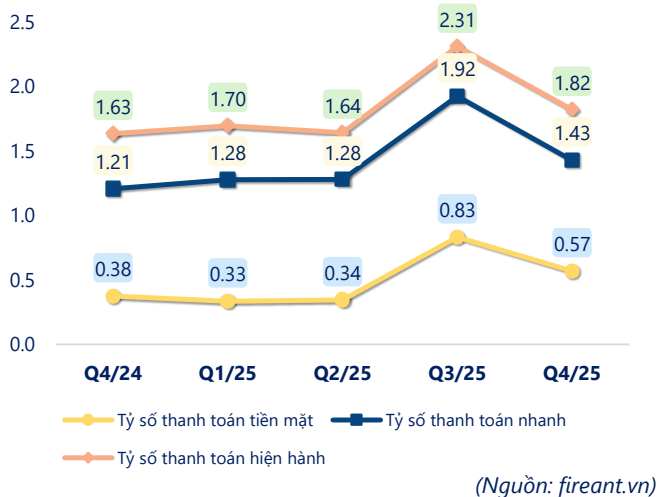
Tăng trưởng chi phí



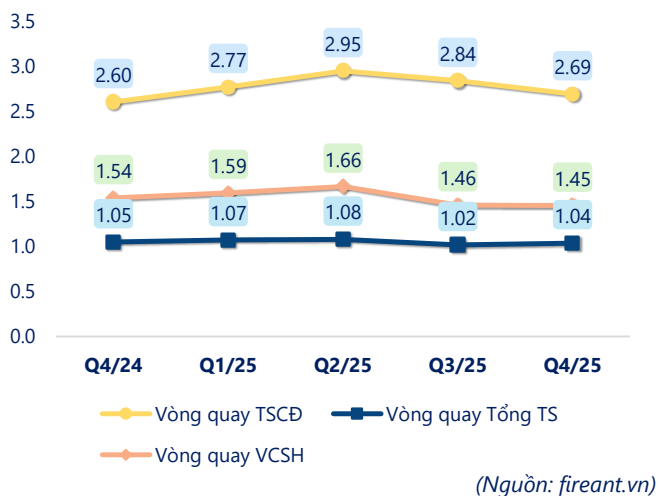
Tỷ suất lợi nhuận



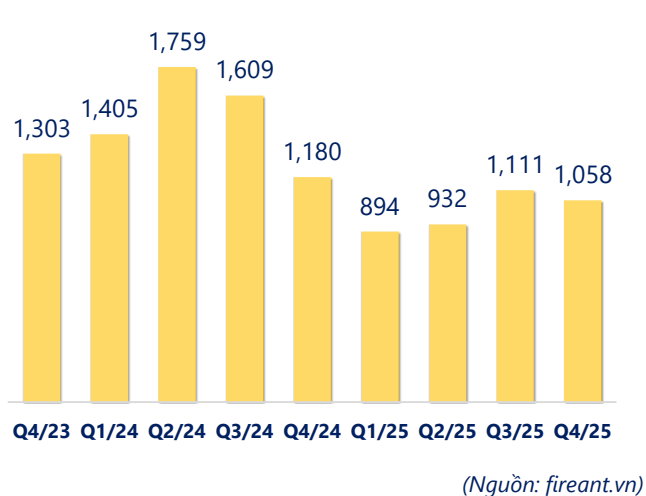
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	555	597	-7.0%	2,311	2,097	10.2%
Giá vốn hàng bán	469	499	-6.1%	1,912	1,706	12.1%
Lợi nhuận gộp	86.5	98.2	-11.9%	399	391	2.2%
Doanh thu HĐTC	13.7	9.09	50.6%	35.1	32.0	9.5%
Chi phí TC	23.9	14.4	65.6%	37.1	32.5	14.3%
Chi phí lãi vay	4.04	5.04	-19.8%	16.1	21.2	-24.1%
LN trong công ty LKLD	-1.95	-22.2	91.2%	-1.35	-65.3	97.9%
Chi phí bán hàng	28.2	30.9	-8.8%	134	129	3.6%
Chi phí QLDN	28.2	23.5	19.9%	101	83.2	21.1%
LN thuần từ HĐKD	18.0	16.3	10.3%	161	112	43.3%
Lợi nhuận khác	0.93	-2.32	140%	0.87	-0.88	199%
LN trước thuế	18.9	14.0	35.0%	162	111	45.2%
Lợi nhuận sau thuế	0.44	6.32	-93.0%	120	87.9	36.2%
LNST của CĐ cty mẹ	0.43	6.42	-93.3%	120	86.0	39.0%

(Nguồn: fireant.vn)

